

Số: 07 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 05/DNTN.2024 ngày 12/9/2024 của Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất 01 của Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 211/TTr-TNMT ngày 24 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành địa tại số 354 ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất 01 của Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở đầu tư: “Nhà máy sản xuất 01 của Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành”

1.2. Địa điểm hoạt động: số 354 ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00001 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/10/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

1.4. Mã số thuế: 2200198086.

1.5. Loại hình hoạt động của cơ sở: Sản xuất Bánh pía, các loại bánh chế biến từ bột, kẹo và mứt các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện cơ sở 219 m².

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 26.000.000.000 đồng.

- Công suất:

+ Bánh pía: khoảng 5 tấn/năm.

+ Các loại bánh chế biến từ bột: khoảng 10 tấn/năm.

+ Kẹo các loại: khoảng 60 tấn/năm.

+ Mứt các loại: khoảng 5 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Doanh nghiệp tư nhân Công Lập Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 01 tháng 10 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Hiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT tỉnh;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã An Hiệp;
- DNTN Công Lập Thành;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

Ký, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hào

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07/GPMT-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên làm việc tại cơ sở khoảng 1,6 m³/ngày.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa nguyên liệu và vệ sinh sản nhà, dụng cụ sản xuất, các trang thiết bị, máy móc tại cơ sở khoảng 8 m³/ngày đêm.

1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ thoát vào Kênh hậu tại số 354, ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả thải:

- Hệ thống thu gom nước thải của khu vực cơ sở tại: số 354 ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 6⁰): X=1067123; Y=548210.

2.3. Lưu lượng thải lớn nhất: 9,6 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải trước khi xả vào kênh Hậu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT; cột B; kq = 0,9; kf = 1,2) cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; kq = 0,9; kf = 1,2)
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	54

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; kq = 0,9; kf = 1,2)
3	COD	mg/L	162
4	TSS	mg/L	108
5	Tổng N	mg/L	43,2
6	Tổng P	mg/L	6,48
7	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh sẽ được thu gom vào hố ga sau đó thoát vào đường ống bằng bê tông dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B sẽ thoát vào nguồn tiếp nhận là Kênh hậu.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom và tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học kỵ khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa kết hợp khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Kênh Hậu)

Công suất thiết kế: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m³ Nước thải sau khi xử lý hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B sẽ tự chảy bề khử trùng, sau đó nước thải theo đường ống nhựa PVC đường kính Φ 90mm, dài 3m chảy vào nguồn tiếp nhận là kênh Hậu.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân viên tại cơ sở; Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.

Lập kế hoạch bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của cơ ở. Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải và các công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: GP/GPMT-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện ra vào khu vực cơ sở và khu vực sản xuất và máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ phát sinh (VN: 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 6°):
X= 1067061; Y= 548150.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn, độ rung. Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến công nhân trực tiếp làm việc và các khu vực xung quanh:

- Chủ cơ sở thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn....

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04/GPMT-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở chủ yếu là các thành phần phát sinh không thường xuyên với khối lượng như sau: Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng nhựa chứa dầu nhớt) khoảng 10 kg/năm; Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng khoảng 0,5 kg/năm. Tổng khối lượng phát sinh khoảng 10,5 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/khí)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1	17 02 03
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	1	18 02 01
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng nhựa chứa dầu nhớt)	Rắn	2	18 01 03
4	Bóng đèn huỳnh quang hư hỏng	Rắn	0,5	16 01 06
Tổng số chất thải nguy hại			4,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (Bao chứa, thùng carton, vỏ hộp, giấy nhẵn, bao bì hỏng,...)	10

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 20 lít/thùng

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 4,8 m².
- Kết cấu: tường xây gạch, nền bê tông, mái tole.
- Có dán nhãn, biển báo theo quy định.
- Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Phân chia khu vực lưu chứa

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 44 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng đảm bảo tránh mưa, nắng.
- Chủ cơ sở sẽ phân chia khu vực lưu trữ và thu gom bán phế liệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 20 lít/thùng; 01 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng..

2.3.2. Khu vực lưu chứa: 0,5 m²/thùng

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền xi măng.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, máy bơm nước phòng cháy chữa cháy (PCCC) đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Bố trí kim thu sét cho mái của nhà xưởng, văn phòng để phòng, chống sét đánh.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của cơ sở.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

2. Biện pháp đảm bảo tai nạn lao động

Xây dựng nội quy và quy trình làm việc, thao tác cho từng khâu sản xuất. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên khi làm việc tại những khâu đòi hỏi độ an toàn cao.

Các trang thiết bị bảo hộ lao động có thể kể đến như: kính phòng hộ mắt, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động,...

Đối với công nhân tuyển dụng mới yêu cầu các hồ sơ phải có giấy khám sức khỏe của các cơ quan y tế trong thời gian 06 tháng, chỉ tuyển những công nhân có sức khỏe tốt làm việc tại cơ sở để không ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng .

Chủ cơ sở trang bị đầy đủ đèn chiếu sáng, cửa thông gió để đạt các yêu cầu về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ trong nhà xưởng để đảm bảo điều kiện sức khỏe cho người lao động.

3. Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Sự cố hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở vì cụm xử lý nước thải sử dụng phương pháp vi sinh là chủ yếu do đó khi hệ vi sinh bị thay đổi hoặc lượng nước thải tăng đột biến cũng ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Do đó, để hạn chế phát sinh sự cố cụm xử lý nước thải thì chủ cơ sở đề ra giải pháp như sau:

Trong quy trình xử lý nước thải đã có ngăn lắng 1 có khả năng lưu chứa lượng nước thải phát sinh tại cơ sở trong khoảng thời gian 1 ngày như vậy sẽ đảm bảo quá trình ổn định lưu lượng nước thải không tăng đột ngột.

Định kỳ 3 tháng sẽ tiến hành bổ sung chế phẩm vi sinh chuyên dùng cho quá trình xử lý sinh học để đảm bảo ổn định và tăng hiệu suất xử lý nước thải.